



bīng guì

冰柜

noun · freezer; ice chest

Example Sentences

Bīng guì lǐ yǒu bīng qí lín
冰柜里有冰淇淋。

There is ice cream in the freezer.

Tā bǎ ròu fàng zài bīng guì lǐ bǎo cún
他把肉放在冰柜里保存。

He put the meat in the freezer to preserve it.

Chāo shì de bīng guì lǐ bǎi mǎn le gè zhǒng lěng dòng shí pǐn
超市的冰柜里摆满了各种冷冻食品。

The supermarket's freezer is stocked with all kinds of frozen foods.

Trace each character, then write the word on your own.

冰	冰	冰	冰	冰	冰	冰	冰	冰		
柜	柜	柜	柜	柜	柜	柜	柜	柜	柜	柜